

Bản án số: 99/2026/HS-ST

Ngày: 15-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Sang.
- Bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026, đối với:

*** Bị cáo:** BÙI NGỌC S, sinh ngày 01/10/20xx; Nơi cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Căn cước công dân: xxx; Con ông Bùi Bá T, sinh năm 19xx và bà Bùi Thị H, sinh năm 19xx; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 177/2024/HSST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” được đặc xá ra trại ngày 01/9/2025. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/02/2026 đến ngày 19/02/2026 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Bà Ngô Thị L, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Bùi Ngọc S nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ ngày 16/02/2026, S đi bộ từ nhà ở thôn K, xã B, tỉnh Hưng Yên sang xã N, tỉnh Hưng Yên tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp. Khi đi qua nhà bà Ngô Thị L, S phát hiện cổng nhà bà L khóa, không có ai ở nhà, cửa sổ bên hông nhà phía Đông có 01 khung nhôm kính mở hé có thể chui vào nhà được. S đi đến mở rộng cánh cửa sổ rồi đặt một chân lên bệ phía dưới cửa sổ, dùng hai tay bám vào khung cửa giữ thăng bằng rồi chui người qua cửa sổ vào trong nhà. S vào phòng ngủ thấy một chiếc hòm bằng kim loại màu xám đặt ở đầu giường, hòm không khóa, S mở hòm ra thấy quần áo và đồ vật trong hòm nên lục tìm rồi bỏ ra nền nhà và giường tìm, thấy trong hòm có một túi nilon bên trong có 4.800.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng, S lấy toàn bộ tiền và chiếc nhẫn bỏ vào túi quần bên phải đang mặc rồi chui qua cửa sổ để ra ngoài.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an xã Nam Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự phát hiện S đang di chuyển từ cửa sổ nhà bà L ra có biểu hiện vi phạm pháp luật nên yêu cầu S dừng lại kiểm tra. Lúc này bà L về nhà, tổ công tác giải thích quyền nghĩa vụ cho S, S đã tự nguyện lấy từ túi quần ra giao nộp cho tổ công tác số tiền 4.800.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng, mặt trong có khắc các chữ, số "9999", "MAO.T", "0.5CHI", trị giá 8.450.000 đồng trước sự chứng kiến của bà L cùng người dân. S khai nhận đó là tài sản S vừa trộm cắp nhà bà L. Tổ công tác kiểm tra người S nhưng không phát hiện, thu giữ gì, sau đó tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

- Kết luận giám định số 550/KL-KTHS ngày 10/3/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên: 42 tờ tiền giám định là tiền thật.

- Kết luận giám định số 1587/KL-KTHS ngày 19/3/2026 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an: Một chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có khắc các chữ, số "9999", "MAO.T", "0.5CHI" gửi giám định có khối lượng 1,88 gam là vàng (Au): 99,91%.

- Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 13/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân xã Nam Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên kết luận: Một chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có khắc các chữ, số "9999", "MAO.T", "0.5CHI" có khối lượng 1,88 gam hàm lượng vàng 99,91% thời điểm định giá ngày 16/02/2026 có giá trị 8.450.000 đồng.

Cáo trạng số 58/CT-VKS-KV7 ngày 24/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu

vực 7 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc S từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/02/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ tài sản bị trộm cắp, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức ra sai phạm và rất ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, khoảng 08

giờ đến 11 giờ 30 phút ngày 16/02/2026, bị cáo đi từ nhà đến xã Nam Thụy Anh tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà bà Ngô Thị L, bị cáo phát hiện cổng nhà bà L khoá, không có ai ở nhà, tại đây bị cáo có hành vi trèo cửa sổ vào nhà bà L trộm cắp số tiền là 4.800.000 đồng và 01 nhẫn vàng trị giá 8.450.000 đồng của bà L để ở hòm trong phòng ngủ. Tổng tài sản S trộm cắp là 13.250.000 đồng.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 11 giờ 40 phút, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ hồi 15 giờ cùng ngày 16/02/2026 do Công an xã Nam Thụy Anh lập; Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai của bị hại là bà Ngô Thị L; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường ngày 16/02/2026 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên lập; Kết luận giám định số 550/KL-KTHS ngày 10/3/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên; Kết luận giám định số 1587/KL-KTHS ngày 19/3/2026 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an; Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 13/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân xã Nam Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên cùng tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi bị cáo Bùi Ngọc S lén lút trộm cắp tài sản của bà Ngô Thị L trị giá 13.250.000 đồng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên truy tố là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Tội danh và hình phạt được quy định như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét thấy, bị cáo đã từng bị xử phạt về tội xâm phạm sở hữu nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa sai phạm mà lại tiếp tục phạm tội mới, vì vậy cần xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Ngô Thị L đã nhận lại tiền và nhẫn vàng, bà L không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã thu giữ của bị cáo 4.800.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng mà bị cáo trộm cắp của bà Ngô Thị L. Ngày 16/3/2026 và ngày 13/4/2026 Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tiền và vàng cho bà L theo quy định. Vật chứng đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/02/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/5/2026. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND - VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- Phòng THADS KV7, tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy